

Bản án số: 24/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đại

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Ông Nguyễn Tấn Đạt
Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 15/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 278, tổ 21, ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Sĩ L, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 278, tổ 21, ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Ngô Văn Cà N, sinh năm: 1969

3.2. Bà Ngô Thị Bé T, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Qua quen biết chị và anh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh L, giấy chứng nhận kết hôn 32, quyển số 01, ngày 15/4/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc có 01 con chung, đến tháng 9/2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

anh L ăn chơi, không lo cho vợ con, chị nhiều lần khuyên nhưng không thành, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Anh chị ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Liêm.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Ngô Nguyễn Anh T, sinh ngày 18/10/2013, hiện do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi con chị tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Ngô Sĩ L trình bày: Anh L thống nhất theo lời trình bày của chị T. Nhưng về mâu thuẫn vợ chồng là do chị T có người khác, vợ chồng cự cãi, nên tháng 9/2018 chị T dẫn con ra ngoài sinh sống cho đến nay. Nhiều lần anh kêu chị về đoàn tụ nhưng chị không về. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con là cháu Ngô Nguyễn Anh T, sinh ngày 18/10/2013, hiện do chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có 04 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 18k, do chị T quản lý. Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Người làm chứng ông Ngô văn Cà N và bà Ngô Thị Bé T trình bày: Ông, bà là cha ruột và là cô của anh L. Vào lúc 21 giờ (không nhớ ngày tháng) hôm anh L và chị T cự cãi rồi bỏ đi, ông, bà có nghe vợ chồng anh L cự cãi, ông N ở chung nhà, còn bà T ở nhà kế bên, nên ông, bà có qua hỏi chuyện, anh L nói chị T nhảm tin với bồ nên lấy điện thoại, chị T đòi lấy lại nếu không đưa chị đòi tự xử, ông, bà thấy vậy nên can ngăn, sau đó L có trả điện thoại lại cho T. Vài ngày sau chị T dẫn con ra ngoài sinh sống cho đến nay. Gia đình ông có kinh tế ổn định, anh L là tài xế có thập, đủ khả năng nuôi cháu T, đề nghị Tòa án xem xét cho anh L nuôi con.

-Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

-Tại phiên Tòa chị T vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh L. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Chị xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Anh L đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

+Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về nội dung: Căn cứ Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Sĩ L.

Về con chung: Giao cháu Ngô Nguyễn Anh T cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của chị Nguyễn Thị T với anh Ngô Sĩ L.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01, ngày 15 tháng 4 năm 2013. Do đó hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy trong thời gian chung sống giữa chị T và anh L có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Hiện tại anh chị không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa chị T và anh L đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị T và anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ tháng 9/2018 chị T và anh L không còn chung sống với nhau, chị T dẫn con ra ngoài sống riêng. Trong thời gian anh chị còn sống chung thì cháu Anh T được anh chị cho đi học tại trường Mẫu giáo P, huyện H, tỉnh L. Sau khi chị dẫn con ra sống riêng, chị vẫn tiếp tục cho cháu Anh T học tại trường Mẫu giáo tư thực Hoa Sen tại phường 2, thành phố L, tỉnh L từ ngày 01/10/2018 cho đến nay, chứng tỏ chị cũng là người có trách nhiệm đối với con, công việc của chị là công nhân may thu nhập cũng ổn định, có khả năng để nuôi con.

Đối với anh L, anh là tài xế lái xe thu nhập cũng ổn định, cũng có đủ khả năng để nuôi con. Về phương diện kinh tế cả chị T và anh L đều có công việc ổn định và có thu nhập đủ để nuôi con. Thời gian chị T và anh L không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2018 cho đến nay chị T một mình nuôi con và cho học hành đúng theo lứa tuổi của cháu Anh T. Xét thấy việc nuôi 01 đứa bé tốt thì cần nhiều yếu tố ngoài phương diện tài chính, còn có tình cảm, sự yêu thương, chăm sóc, gần gũi của cha mẹ đối với con. Hiện tại cháu Anh T được chị T chăm sóc tốt, để tránh sự xáo trộn về điều kiện sinh hoạt, học hành, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu, nên tiếp tục giao cháu Anh T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Tòa chị T xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh L. Đây là sự tự nguyện của chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Buộc chị Thuận phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Sĩ L.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Nguyễn Anh T, sinh ngày 18/10/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị T với anh Ngô Sĩ L.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0002055, ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

7. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Ủy ban nhân dân xã P-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng